TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Mẫn; Ông Nguyễn Văn Trương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Triều - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Kim Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020, về tranh chấp "*Ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-HNGD ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Phan Thị D**, sinh năm 1991; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Ngô Văn D**, sinh năm 1989; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp H, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Phan Thị D trình bày: Qua tìm hiểu khoảng 04 năm, chị và anh Ngô Văn D tiến đến hôn nhân năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G, cùng năm. Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống không hợp nhau, anh D có quan hệ với người phụ nữ khác, không lo cho vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Có một người con chung tên Ngô Thị Kim P, sinh ngày 12/01/2011. Khi ly hôn chị D yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh Ngô Văn D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị D, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nên không lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Chị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Anh D đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh D; Về con chung giao cháu P cho chị D trực tiếp nuôi, anh D không cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung không có, nên không xem xét; Về án phí sơ thẩm thì chị D chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị D khởi kiện xin ly hôn anh Ngô Văn D có nơi cư trú Ấp H, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Ngô Văn D đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, chị D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh D.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy, chị D và anh D kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị Phan Thị D và anh Ngô Văn D sống chung vào năm 2010, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống không hợp nhau, anh D có quan hệ với người phụ nữ khác, không lo cho vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết, anh D đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị D, nhưng anh D không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm của anh D đối với chị D đã không

còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng và vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2019. Xét thấy hôn nhân của chị D và anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị D xin ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị D và anh D có một người con chung tên Ngô Thị Kim P, sinh ngày 12/01/2011.

Xét thấy, qua lời trình bày của chị D thì từ khi sinh ra cho đến nay cháu P đều do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên về mặt tình cảm cháu P gắn bó với chị D nhiều hơn. Tại bản tự khai ngày 26/3/2020, thì cháu P có nguyện vọng được sống với mẹ. Chị D hiện nay đang có công việc ổn định tại địa phương. Anh D vắng mặt không thể hiện ý kiến về việc nuôi con. Vì vậy, để cháu P phát triển ổn định, toàn diện thì việc giao cháu P cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, nên yêu cầu của chị D về việc nuôi dưỡng con chung được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.2] Về quan hệ tài sản chung: Chị D xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Chị D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị D và anh D vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Phan Thị D phải chịu án phí theo quy định.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị D được ly hôn với anh Ngô Văn D.

- Về quan hệ con chung: Chị Phan Thị D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Ngô Thị Kim P, sinh ngày 12/01/2011. Anh Ngô Văn D chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị D chưa có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 43698 ngày 09/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, chị D đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- UBND xã B, thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu án ăn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Thu Thúy